

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/ 6 /2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150)	100		29,646,870,554	27,283,467,746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6,928,772,281	10,843,956,235
1. Tiền	111		1,928,772,281	1,543,956,235
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	9,300,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7,301,823,012	6,001,819,612
1. Chứng khoán kinh doanh	121		26,156,408	26,156,408
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(24,333,396)	(24,336,796)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7,300,000,000	6,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6,296,731,820	5,973,309,889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		495,930,816	943,468,848
2. Trả trước cho người bán	132		2,091,716	258,296,205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5,300,000,000	4,100,000,000
6. Phải thu khác ngắn hạn khác (138, 338,)	136		498,709,288	671,544,836
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		9,029,296,944	4,323,781,553
1. Hàng tồn kho	141		9,300,096,452	4,606,734,469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(270,799,508)	(282,952,916)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90,246,497	140,600,457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90,246,497	140,600,457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200)=210+220+240+250+260)	200		41,989,507,079	42,000,193,065
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T. MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		761,995,095	790,686,963
1. Tài sản cố định hữu hình	221		171,379,309	190,917,241
- Nguyên giá	222		3,942,980,944	3,979,212,424
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,771,601,635)	(3,788,295,183)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		590,615,786	599,769,722
- Nguyên giá	228		860,470,113	860,470,113
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(269,854,327)	(260,700,391)
III. Bất động sản đầu tư	230		1,372,214,948	1,393,482,872
- Nguyên giá	231		1,999,184,634	1,999,184,634
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(626,969,686)	(605,701,762)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		39,320,103,620	39,229,793,604
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,643,001,585	20,643,001,585
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20,000,000,000	20,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,322,897,965)	(1,413,207,981)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		535,193,416	586,229,626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		535,193,416	586,229,626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		71,636,377,633	69,283,660,811

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+320)	300		6,622,711,780	5,232,493,615
I. Nợ ngắn hạn	310		6,580,935,177	5,141,137,998
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,536,885,670	1,330,825,667
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		129,107,970	200,066,320
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2,175,523,216	1,741,047,852
4. Phải trả người lao động	314		355,914,831	925,502,431
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,142,350,690	753,893,380
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		129,392,344	133,154,092
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		111,760,456	56,648,256
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		41,776,603	91,355,617
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		41,776,603	91,355,617
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+420)	400		65,013,665,853	64,051,167,196
I. Vốn chủ sở hữu	410		65,013,665,853	64,051,167,196
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30,415,420,000	30,415,420,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,415,420,000	30,415,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		209,074,994	209,074,994
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			

M.S.
 CÔNG NG
 GACH TIẾP
 NG

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23,242,692,505	20,810,479,905
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11,146,478,354	12,616,192,297
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5,198,212,497	4,099,040,329
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,948,265,857	8,517,151,968
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)	440		71,636,377,633	69,283,660,811

Kế toán trưởng

Thư

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG



Ngày 20 tháng 7 năm 2020

Giám đốc

NGUYỄN NGỌC NUI

D. N. S
CÔNG TY
GẠCH NGÓI
NHÌ HIỆP